

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 06 năm 2024



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 29

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt
Bà Đặng Kiện Phương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Kiện Phương
Tổng Giám Đốc

Ngày 30 tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6,713,060,091,208	6,841,882,833,647
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		833,575,288,853	1,450,368,646,470
1. Tiền	111	5	282,001,131,734	186,908,731,279
2. Các khoản tương đương tiền	112		551,574,157,119	1,263,459,915,191
II. Các khoản phải thu	130		2,775,434,383,308	2,220,553,259,795
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	2,514,239,530,215	1,981,650,094,151
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.2	111,201,571,848	92,224,724,578
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		50,941,971,000	41,528,419,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	142,752,987,229	148,729,632,408
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(43,701,676,984)	(43,579,610,342)
III. Hàng tồn kho	140	8	2,908,405,373,340	3,002,673,387,260
1. Hàng tồn kho	141		3,051,679,915,438	3,129,669,315,928
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(143,274,542,098)	(126,995,928,668)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		195,645,045,707	168,287,540,122
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	18,158,164,365	15,516,149,231
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		173,773,729,156	151,287,069,991
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3,713,152,186	1,484,320,900

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		624,222,340,799	659,132,981,730
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		40,461,878,789	17,040,194,482
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	40,461,878,789	17,040,194,482
II. Tài sản cố định	220		124,884,876,378	131,009,469,030
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	33,800,851,500	38,258,867,224
<i>Nguyên giá</i>	222		80,534,617,787	83,995,714,753
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(46,733,766,287)	(45,736,847,529)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	91,084,024,878	92,750,601,806
<i>Nguyên giá</i>	228		106,644,763,934	105,972,874,734
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(15,560,739,056)	(13,222,272,928)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14,950,035,281	14,909,126,190
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14,950,035,281	14,909,126,190
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12,492,244,555	19,111,845,883
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	10,237,244,555	19,111,845,883
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2,255,000,000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		431,433,305,796	477,062,346,145
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	24,996,132,292	20,439,951,286
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		33,925,579,077	72,748,685,377
3. Tài sản dài hạn khác	268		9,248,006,055	31,312,693,640
4. Lợi thế thương mại	269	13	363,263,588,372	352,561,015,842
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7,337,282,432,007	7,501,015,815,377

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

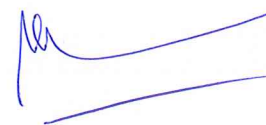
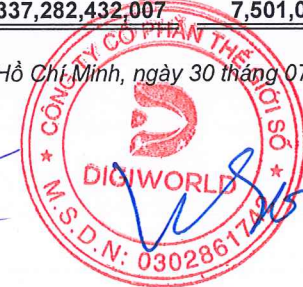
Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4,528,814,432,576	4,873,913,364,207
I. Nợ ngắn hạn	310		4,521,867,146,039	4,857,731,077,670
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14.1	1,629,353,760,925	1,556,751,930,406
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14.2	149,800,715,195	138,521,125,899
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	8,489,896,167	31,361,021,453
4. Phải trả người lao động	314		30,473,873,277	30,923,720,210
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	44,696,340,861	251,494,903,833
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	8,976,881,440	527,186,182,982
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	2,650,075,678,174	2,321,492,192,887
II. Nợ dài hạn	330		6,947,286,537	16,182,286,537
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	4,033,629,427	7,768,629,427
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	5,500,000,000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2,913,657,110	2,913,657,110
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,808,467,999,431	2,627,102,451,170
I. Vốn chủ sở hữu	410		2,808,467,999,431	2,627,102,451,170
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19.1	1,672,047,430,000	1,672,244,430,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,672,047,430,000	1,672,244,430,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu quỹ	415		(6,272,937,166)	(6,439,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19.1	1,048,715,280,299	867,192,867,929
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		866,943,855,710	512,803,771,037
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		181,771,424,589	354,389,096,892
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		32,344,464,882	32,471,328,991
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7,337,282,432,007	7,501,015,815,377

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2024


Trần Quế Tâm
Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởngĐặng Kiện Phương
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế		Đơn vị tính: VND
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
01	20.1	5,040,775,498,076	4,542,795,785,661	10,042,762,150,675	8,484,705,304,018	
02	20.1	(32,758,641,439)	53,010,802,217	(49,749,451,749)	71,028,497,032	
10	20.1	5,008,016,856,637	4,595,806,587,878	9,993,012,698,926	8,555,733,801,050	
11	21	(4,550,316,131,045)	(4,202,830,110,568)	(9,147,183,418,575)	(7,902,023,713,809)	
20		457,700,725,592	392,976,477,310	845,829,280,351	653,710,087,241	
21	20.2	38,027,565,211	44,646,004,862	62,031,396,319	81,650,091,508	
22	22	(48,216,372,076)	(45,244,825,594)	(70,098,582,387)	(71,817,220,897)	
23		(20,704,574,753)	(44,523,722,854)	(38,649,356,951)	(68,657,843,780)	
24		3,226,359,210	2,704,231,059	3,017,278,897	515,831,935	
25	23	(286,032,281,116)	(241,677,027,580)	(500,407,591,777)	(360,058,012,820)	
26	23	(58,159,255,670)	(40,020,389,196)	(112,745,852,348)	(85,569,841,509)	
30		106,546,741,151	113,384,470,861	227,625,929,055	218,430,935,458	
31	24	10,994,882,057	671,803,389	11,266,559,622	3,360,400,551	
32	24	(4,613,454,863)	(2,188,316,204)	(6,939,372,614)	(3,325,958,248)	
40	24	6,381,427,194	(1,516,512,815)	4,317,187,008	34,442,303	
50		112,928,168,345	111,867,958,046	231,943,116,063	218,465,377,761	
51	26	(16,267,245,010)	(19,721,255,088)	(11,482,879,301)	(24,020,117,671)	
52		(8,820,808,339)	(5,010,611,053)	(39,439,382,540)	(25,400,684,149)	
60		87,840,114,996	87,136,091,905	181,020,854,222	169,044,575,941	
61		89,302,459,018	83,016,354,849	181,771,424,589	162,405,491,186	
62		(1,462,344,022)	4,119,737,056	(750,670,367)	6,639,084,755	
70		535	509	1,088	973	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2024



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Trần Quế Tâm
Người lập biểu



Đặng Kiên Phương
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ THUYẾT MINH	QUÝ II		LŨY KẾ		Đơn vị tính: VND
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	112,928,168,345	111,867,958,046	231,943,116,063	218,465,377,761	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT (bao gồm phần bổ lợi thế thương mại)	13,080,603,441	9,852,915,081	25,802,159,600	19,283,774,375	
- Các khoản dự phòng (hoàn nhập)	16,558,720,624	(24,687,196,936)	16,400,680,072	(24,615,350,913)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(9,463,905,195)	(25,900,283,671)	(16,246,909,317)	(37,144,024,287)	
- Chi phí lãi vay	20,704,574,753	46,083,607,549	38,649,356,951	68,657,843,780	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	153,808,161,968	117,217,000,069	296,548,403,369	244,647,620,716	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	(482,809,092,642)	(225,201,057,325)	(573,068,013,332)	(755,322,551,858)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	25,892,685,589	464,494,378,836	83,729,267,341	686,066,269,191	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	69,837,165,135	230,458,583,243	(678,366,234,489)	(96,874,607,363)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12,859,421,905	(4,388,304,667)	18,765,683,841	3,645,790,050	
- Tiền lãi vay đã trả	(19,535,210,694)	(35,799,044,393)	(41,853,863,404)	(71,746,308,745)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(10,721,104,598)	(41,980,551,438)	(33,603,576,671)	(41,980,551,438)	
	(250,667,973,337)	504,801,004,325	(927,848,333,345)	(31,564,339,447)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh					
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(2,131,188,947)	(17,904,094,047)	(2,194,883,391)	(18,096,094,047)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	515,797,408	-	515,797,408	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(38,764,415,000)	1,000,000,000	(81,984,128,000)	(20,000,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	37,569,445,000	-	72,570,576,000	23,719,520,000	
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	(19,418,784,405)	(26,848,186,491)	(19,418,784,405)	(27,364,146,886)	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	-	6,555,000,000	-	8,543,550,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	11,457,327,288	12,229,987,630	18,512,912,829	25,765,717,633	
	(10,771,818,656)	(24,967,292,908)	(11,998,509,559)	(7,431,453,300)	

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết minh số	QUÝ II		LŨY KẾ	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(25,000,000)	(30,000,000)	(25,000,000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	2,663,113,403,217	2,740,847,111,110	5,686,986,695,309	5,060,247,248,932
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2,401,159,818,996)	(2,386,104,638,036)	(5,363,903,210,022)	(4,885,627,907,837)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	261,953,584,221	354,717,473,074	323,053,485,287	174,594,341,095
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	513,792,228	834,551,184,491	(616,793,357,617)	135,598,548,348
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	833,061,496,625	128,831,134,034	1,450,368,646,470	827,783,770,177
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	833,575,288,853	963,382,318,525	833,575,288,853	963,382,318,525



Trần Qué Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2024



Đặng Kiên Phương
Tổng Giám Đốc

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 797 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 815).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty con	Đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
				Cuối kỳ	Đầu năm
(1) Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	Trực tiếp	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Đang hoạt động	100	100
(2) Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Gián tiếp	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện điện tử	Đang hoạt động	100	100
(3) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Gián tiếp	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	90,15	90,15
(4) Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Bellvina	Gián tiếp	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	76.99	76.99
(5) Công ty TNHH MTV DPHARMA	Gián tiếp	Phân phối dược phẩm	Đang hoạt động	100	100
(6) Công ty Cổ phần Achison	Gián tiếp	Tư vấn và mua bán giải pháp BHLĐ	Đang hoạt động	75	75
(7) Công ty Cổ phần Việt Money Holdings	Gián tiếp	Thương mại	Đang hoạt động	72.80	72.80
(8) Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	Trực tiếp	Thương mại	Đang hoạt động	90.00	49.10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm kế toán	3 - 6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua, Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động mua bán, bảo hành, sửa chữa sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính, thiết bị tin học, điện thoại và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Mua thêm sở hữu vào Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam

Vào ngày 15 tháng 05 năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc mua 540.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam tương đương với 90% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết từ các Cổ đông hiện hữu, với tổng giá mua là 24.050.000.000 VNĐ. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam trở thành công ty con của nhóm Công ty.

	VND
Tài sản	19,785,774,706
Tiền	7,451,416,978
Các khoản phải thu	1,650,762,481
Hàng tồn kho	5,739,866,851
Tài sản cố định	828,626,909
Các tài sản ngắn hạn khác	529,713,544
Tài sản dài hạn khác	3,585,387,943
Nợ phải trả	13,518,685,514
Vay	-
Phải trả người bán	6,625,686,871
Phải trả khác	6,892,998,643
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý tạm tính	6,267,089,192
Cổ đông không kiểm soát	(626,708,919)
Lợi thế thương mại từ Hợp nhất kinh doanh	30,022,649,952
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	35,663,030,225

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Tiền mặt	2,067,271,873	2,096,923,565
Tiền gửi ngân hàng	279,858,497,861	184,734,435,339
Các khoản tương đương tiền	551,574,157,119	1,263,491,339,566
Tiền đang chuyển	75,362,000	45,948,000
TỔNG CỘNG	833,575,288,853	1,450,368,646,470

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**5.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Công Ty Cổ Phần Thế Giới Di Động & chi nhánh	1,012,864,431,606	140,169,916,930
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT & CN	170,451,134,111	42,568,523,586
Công ty Cổ phần thương mại Dịch vụ Phong Vũ	93,493,506,640	82,283,998,049
Công ty CP Dịch vụ TM Tổng hợp Wincommerce	16,872,993,657	17,716,362,522
Các khoản phải thu khách hàng khác	1,220,557,464,201	1,698,911,293,064
TỔNG CỘNG	2,514,239,530,215	1,981,650,094,151
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10,447,246,761)	(10,429,865,601)
GIÁ TRỊ THUẦN	2,503,792,283,454	1,971,220,228,550

5.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	-	869,076,000
Công Ty TNHH Công Nghệ HUAWEI Việt Nam	12,879,121,689	4,058,241,911
Khác	98,322,450,159	87,297,406,667
TỔNG CỘNG	111,201,571,848	92,224,724,578

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32,874,099,492	32,874,099,492
Tạm ứng cho nhân viên	22,336,604,333	8,816,386,103
Khác	87,542,283,404	107,039,146,813
TỔNG CỘNG	142,752,987,229	148,729,632,408
Dự phòng phải thu khác	(32,874,099,492)	(32,874,099,492)
GIÁ TRỊ THUẦN	109,878,887,737	115,855,532,916
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	40,461,878,789	17,040,194,482

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Hàng hóa	2,579,183,942,979	2,657,873,235,136
Hàng mua đang đi đường	399,995,210,857	427,090,921,901
Hàng gửi đi bán	16,971,873,402	9,891,155,735
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	55,528,888,200	34,814,003,156
TỔNG CỘNG	3,051,679,915,438	3,129,669,315,928
Dự phòng HTK	(143,274,542,098)	(126,995,928,668)
GIÁ TRỊ THUẦN	2,908,405,373,340	3,002,673,387,260

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	17,041,463,508	15,251,604,746
Công cụ, dụng cụ	1,116,700,857	264,544,485
	18,158,164,365	15,516,149,231
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	3,273,052,324	3,819,087,436
Khác	21,723,079,968	16,620,863,850
	24,996,132,292	20,439,951,286

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

B09-DN/HN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Số đầu kỳ	22,510,497,439	6,802,043,247	50,644,711,734	4,038,462,333	83,995,714,753
Mua sắm	-	63,694,444	1,607,044,037	524,144,910	2,194,883,391
Tăng từ Hợp nhất	-	-	1,733,802,825	-	1,733,802,825
Giảm TSCĐ - Thanh lý	-	-	(7,389,783,182)	-	(7,389,783,182)
Số cuối kỳ	22,510,497,439	6,865,737,691	46,595,775,414	4,562,607,243	80,534,617,787
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	(12,954,295,247)	(6,203,425,309)	(23,480,566,673)	(3,098,560,300)	(45,736,847,529)
Thanh lý	-	-	4,723,762,408	-	4,723,762,408
Tăng từ Hợp nhất	-	-	(1,035,246,345)	-	(1,035,246,345)
Khấu hao trong năm	(471,046,439)	(178,315,811)	(3,854,329,554)	(181,743,017)	(4,685,434,821)
Số cuối kỳ	(13,425,341,686)	(6,381,741,120)	(23,646,380,164)	(3,280,303,317)	(46,733,766,287)
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	9,556,202,192	598,617,938	27,164,145,061	939,902,033	38,258,867,224
Số cuối kỳ	9,085,155,753	483,996,571	22,396,281,368	1,282,303,926	33,800,851,500

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

B09-DN/HN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phân mềm	Quyền sử dụng đất	VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	47,047,250,712	58,925,624,022	105,972,874,734
Tăng từ hợp nhất	671,889,200	-	671,889,200
Mua sắm	-	-	-
Số cuối kỳ	47,719,139,912	58,925,624,022	106,644,763,934
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	(13,222,272,928)	-	(13,222,272,928)
Khấu hao trong kỳ	(2,017,662,155)	-	(2,017,662,155)
Tăng từ hợp nhất	(320,803,973)	-	(320,803,973)
Số cuối kỳ	(15,560,739,056)	-	(15,560,739,056)
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	33,824,977,784	58,925,624,022	92,750,601,806
Số cuối kỳ	32,158,400,856	58,925,624,022	91,084,024,878

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên kết	Số cuối kỳ tại 30.06.2024		Số đầu kỳ tại 01.01.2024	
	Tỷ lệ %	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ %	Giá trị đầu tư VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	49.10%	-	49.10%	8,732,891,517
Công ty cổ phần Dược phẩm Đại Tín	36.01%	10,237,244,555	36.01%	10,100,104,366
Khác	0.05%	-		278,850,000
		10,237,244,555		19,111,845,883

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HH

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
	<i>Lợi thế thương mại từ mua lại các công ty con</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	387,364,715,728
Tăng trong năm	<u>30,022,649,952</u>
Số cuối kỳ	<u>417,387,365,680</u>
Phân bổ lũy kế	
Số đầu kỳ	(34,803,699,886)
Phân bổ trong năm	<u>(19,320,077,422)</u>
Số cuối kỳ	<u>(54,123,777,308)</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	<u>352,561,015,842</u>
Số cuối kỳ	<u><u>363,263,588,372</u></u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lenovo (Singapore) Pte. Ltd.	21,452,867,996	50,604,591,883
Asus Global Pte. Ltd.	155,740,440,421	170,939,591,129
Xiaomi H.K Limited	287,540,290,548	352,244,760,091
Công ty TNHH Apple Việt Nam	428,995,541,164	545,722,507,000
Nhà cung cấp khác	735,624,620,796	437,240,480,303
TỔNG CỘNG	<u><u>1,629,353,760,925</u></u>	<u><u>1,556,751,930,406</u></u>

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Neste Việt Nam	11,408,108,562	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Unicom	3,676,859,829	-
AIM ENTERPRISES LIMITED	3,760,505,400	3,592,047,300
WUHAN MINDRAY SCIENTIFIC CO., LTD.	2,367,469,510	8,111,622,608
Khác	128,587,771,894	126,817,455,991
TỔNG CỘNG	<u><u>149,800,715,195</u></u>	<u><u>138,521,125,899</u></u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chiết khấu thương mại	16,695,073,651	158,621,295,159
Chi phí hoạt động và hỗ trợ bán hàng	19,872,361,625	68,202,548,491
Chi phí lãi vay	2,174,327,407	5,378,833,860
Khác	5,954,578,178	19,292,226,323
TỔNG CỘNG	<u><u>44,696,340,861</u></u>	<u><u>251,494,903,833</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,505,079,832	28,625,777,202
Thuế thu nhập cá nhân	1,193,385,453	2,517,587,384
Thuế GTGT phải nộp	640,240,909	-
Các loại thuế khác	151,189,973	217,656,867
TỔNG CỘNG	<u>8,489,896,167</u>	<u>31,361,021,453</u>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
UPAS L/C (*)	-	502,415,914,000
Chi trả hộ	488,232,754	12,523,927,784
Phải trả BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	2,932,244,131	3,066,667,799
Phải trả khác	5,556,404,555	9,179,673,399
TỔNG CỘNG	<u>8,976,881,440</u>	<u>527,186,182,982</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	4,033,629,427	7,768,629,427
TỔNG CỘNG	<u>4,033,629,427</u>	<u>7,768,629,427</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

B09-DN/HN

17. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Số cuối kỳ
Vay ngân hàng	2,293,987,192,887	5,686,986,695,309	(5,340,703,210,022)	2,640,270,678,174
Vay khác	33,005,000,000	-	(23,200,000,000)	9,805,000,000
	2,326,992,192,887	5,686,986,695,309	(5,363,903,210,022)	2,650,075,678,174

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Tên Tổ chức tín dụng	Số cuối kỳ VND	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
1 Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	200,000,000,000	Ngày 13/08/2024	3.80%	Không có tài sản đảm bảo
2 Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	476,193,021,314	Ngày 25/07/2024 đến 26/09/2024	Từ 3.5% đến 3.9%	Không có tài sản đảm bảo
3 Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	117,345,159,898	Ngày 23/07/2024 đến 10/09/2024	Từ 3.6% đến 4.53%	Không có tài sản đảm bảo
4 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	860,260,402,274	Ngày 09/08/2024 đến 03/10/2024	Từ 3% đến 3.3%	Không có tài sản đảm bảo
5 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP.HCM	731,580,646,920	Ngày 21/08/2024 đến 11/10/2024	3.20%	Không có tài sản đảm bảo
6 Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	199,553,384,871	Ngày 16/07/2024 đến 23/07/2024	2.90%	Không có tài sản đảm bảo
7 Ngân hàng TMCP Á Châu	8,700,000,000	Ngày 28/12/2024	5.00%	Vay thế chấp sổ tiết kiệm
8 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Sài Gòn	46,638,062,897	Ngày 13/08/2024 đến 19/11/2024	5.50%	Thế chấp bất động sản
9 Trần Thị Kim Anh	9,805,000,000	Ngày 01/10/2024	12.00%	Thế chấp căn nhà số: 89/40/23 Nguyễn Hồng Đào, P. 14, Q. Tân Bình,

TỔNG CỘNG

2,650,075,678,174

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

B09-DN/HN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đồng không kiểm soát	VND
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1,632,299,430,000	61,233,761,416	(6,302,937,166)	400,000,000	706,724,931,528	28,926,547,499	2,423,281,733,277
Giảm cổ phiếu quỹ	(55,000,000)	-	30,000,000	-	-	-	(25,000,000)
Tăng tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	(26,848,186,491)	(5,887,728,754)	(32,735,915,245)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	162,405,491,186	-	162,405,491,186
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2023	1,632,244,430,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	842,282,236,223	23,038,818,745	2,552,926,309,218
Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1,672,244,430,000	61,233,761,416	(6,439,937,166)	400,000,000	867,192,867,929	32,471,328,991	2,627,102,451,170
Mua lại cổ phiếu quỹ (*)	-	-	(30,000,000)	-	-	-	(30,000,000)
Giảm vốn do mua lại cổ phiếu quỹ (**)	(197,000,000)	-	197,000,000	-	-	-	-
Điều chỉnh nhuận kỳ trước	-	-	-	-	(249,012,219)	(3,002,661)	(252,014,880)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	181,771,424,589	(123,861,448)	181,647,563,141
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024	1,672,047,430,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	1,048,715,280,299	32,344,464,882	2,808,467,999,431

(*) Vào ngày 14 tháng 4 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 03/2024/NQ-HĐQT về việc mua lại 3.000 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của những nhân viên nghỉ việc để làm cổ phiếu quỹ, với giá mua là 10.000 VND/cổ phiếu. Vào ngày 08 tháng 03 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc mua lại này.

(**) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2023, các Cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ về việc giảm vốn cổ phần từ 1.672.244.430.000 VND xuống còn 1.672.047.430.000 VND do Công ty mua lại 19.700 cổ phiếu Esop của nhân viên đã nghỉ việc. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 05 năm 2024, về việc giảm vốn cổ phần của Công ty xuống còn 1.672.047.430.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	167,204,743	167,224,443
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	167,204,743	167,224,443
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	167,204,743	167,224,443
Cổ phiếu quỹ	(171,169)	(168,169)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(171,169)	(168,169)
Cổ phiếu đang lưu hành	167,033,574	167,056,274
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	167,033,574	167,056,274

19. DOANH THU**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Tổng doanh thu:	10,042,762,150,675	8,484,705,304,018
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10,042,762,150,675	8,484,705,304,018
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại	(49,749,451,749)	71,028,497,032
DOANH THU THUẦN	9,993,012,698,926	8,555,733,801,050

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	1,102,939,313	656,522,296
Lãi chênh lệch tỷ giá	21,787,384,052	31,382,563,648
Chiết khấu thanh toán được hưởng	21,731,099,438	19,503,617,911
Khác	17,409,973,516	30,107,387,653
TỔNG CỘNG	62,031,396,319	81,650,091,508

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa bán và dịch vụ cung cấp	9,147,183,418,575	7,902,023,713,809
TỔNG CỘNG	9,147,183,418,575	7,902,023,713,809

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí lãi vay	38,649,356,951	68,657,843,780
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13,730,559,489	3,069,484,960
Chiết khấu thanh toán	-	65,512,357
Khác	17,718,665,947	24,379,800
TỔNG CỘNG	70,098,582,387	71,817,220,897

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí bán hàng	500,407,591,777	360,058,012,820
Chi phí nhân viên	47,062,043,242	38,755,577,981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64,926,682,115	33,904,208,035
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	379,432,008,543	249,021,294,482
Chi phí bằng tiền khác	8,986,857,877	38,376,932,322
Chi phí quản lý doanh nghiệp	112,745,852,348	85,569,841,509
Chi phí nhân viên	52,655,070,399	39,912,962,600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42,654,270,191	24,924,661,676
Chi phí bằng tiền khác	17,436,511,758	20,732,217,233
TỔNG CỘNG	613,153,444,125	445,627,854,329

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập khác	11,256,559,622	3,360,400,551
Thu nhập khác	11,256,559,622	3,360,400,551
Chi phí khác	6,939,372,614	3,325,958,248
Các khoản chi phí khác	6,939,372,614	3,325,958,248
LỢI NHUẬN THUẦN	4,317,187,008	34,442,303

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí mua hàng	9,147,183,418,575	7,902,023,713,809
Chi phí nhân công	99,717,113,641	78,668,540,581
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25,802,159,600	19,283,774,375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107,580,952,306	58,828,869,711
Chi phí bằng tiền khác	380,053,218,578	288,846,669,662
	9,760,336,862,700	8,347,651,568,138

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	231,943,116,063	218,465,377,761
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	46,388,623,213	43,693,075,552
Các khoản điều chỉnh:		
Khác	(34,009,414,360)	(18,167,317,381)
Lãi/lỗ tính thuế từ công ty con,	2,206,645,518	(595,368,152)
Lỗ tính thuế từ công ty liên kết	4,415,503	103,166,387
Phân bổ lợi thế thương mại	(3,864,015,484)	(1,177,545,751)
Thu nhập không chịu thuế	-	(293,948,854)
Chi phí không được khấu trừ thuế	756,624,911	458,055,870
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11,482,879,301	24,020,117,671

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
		VND
Ông Đoàn Hồng Việt	89,814,000	81,958,000
Bà Đặng Kịen Phương	91,440,000	80,470,000
Bà Tô Hồng Trang	86,058,000	80,470,000
Ông Nguyễn Duy Tùng	60,000,000	60,000,000
Ông Trần Bảo Minh	60,000,000	60,000,000
TỔNG CỘNG	387,312,000	362,898,000

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	181,771,424,589	162,405,491,186
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	1,088	973

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND
Dưới 1 năm	74,262,806,569	61,616,152,006
Từ 1 đến 5 năm	187,224,269,194	146,332,930,222
Trên 5 năm	5,116,458,501.00	6,901,269,606
TỔNG CỘNG	266,603,534,264	214,850,351,834

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

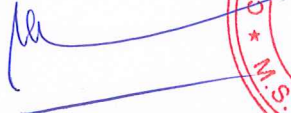
Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Trần Quế Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đặng Kiên Phương
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ